

Name:

Class: S8

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài:

Ngày HS nộp bài:



Vocabulary & Grammar:

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 8

UNIT 1: LANGUAGES OF THE WORLD – VOCABULARY 2 & FCE SPEAKING

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	independent (adj)	độc lập	8	according to (prep)	dựa theo
2	be isolated	bị cách ly/ cô lập	9	(be) more likely to V	có nhiều khả năng làm gì hơn
3	have little contact with something	có ít liên hệ với cái gì	10	illustrate (v)	minh họa
4	official language (n.phr)	ngôn ngữ chính thức	11	majority (n)	đa số
5	percentage (n)	tỷ lệ phần trăm	12	do revision (phr.v) = revise (v)	ôn lại
6	pidgin language (n.phr)	ngôn ngữ đơn giản, tiếng bồi	13	in the early stage	trong giai đoạn đầu
7	secondary education (n.phr)	giáo dục trung học	14	feature (n)	đặc trưng

B. CAMBRIDGE VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	addict (n)	người nghiện (ma túy, rượu...)	8	indulge in (phr.v)	đắm mình vào, hưởng thụ
2	outskirt (n)	ngoại ô	9	monitor (v)	giám sát, theo dõi
3	aversion (n)	sự ghê tởm, không thích thứ gì	10	personnel (n)	nhân sự
4	sane (adj)	lành mạnh, đúng mực, ôn hòa	11	disgust (n)	sự ghê tởm, cảm giác ghê tởm
5	abuser (n)	người lạm dụng (ma túy, rượu...)	12	hatred for sth	lòng căm thù, hờn, ghét cái gì
6	abuse (n)	sự lạm dụng	13	former (adj)	trước, cũ, xưa
7	set out to do sth	bắt đầu làm gì	14	drunken (adj)	say rượu

*Note: adj = adjective: tính từ;

v = verb: động từ;

n = noun: danh từ;

prep = preposition: giới từ;

phr.v = phrasal verb: cụm động từ;

n.phr = noun phrase: cụm danh từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Circle the correct answer.

0. We compared our product with the leading _____.
 (A) brands B. comp C. butler
1. He was _____ from all the other prisoners.
 A. isolated B. had C. revised
2. English is the _____ language and the government must do its business in English.
 A. office B. officially C. official
3. She did no _____, but she still got a very high mark.
 A. revise B. revision C. revised
4. Remind me to finish my work, because I'm _____ to forget.
 A. liked B. likely C. like
5. He has little _____ with his old friends since moving to a new city.
 A. majority B. stage C. contact

II. Complete the words/ phrases using the clues given.

0. an object or a piece of equipment that has been designed to do a particular job	D E V I C E
1. (of a country) having its own government	I _ _ _ P _ _ D _ _ T
2. the largest part of a group of people or things	M _ _ O _ _ T _
3. something important, interesting or typical of a place or thing	_ _ A _ U _ E
4. to use pictures, photographs, diagrams, etc. in a book, etc.	I _ L _ S _ _ _ T _
5. the number, amount or rate of something, expressed as if it is part of a total that is 100	_ E _ C _ N _ A _ _

III. Complete the questions with the suitable question words.

0. A: How much money do you need?
 B: \$15.
1. A: _____ is he leaving?
 B: Because he's tired.
2. A: _____ book is this?
 B: It's mine.
3. A: _____ did they wash the car?
 B: Yesterday.
4. A: _____ CDs have you got?
 B: 153.
5. A: _____ did he go?
 B: He went to the park.

IV. Circle the underlined parts that need correction and correct them.

0. The lasering beam heals the eye painlessly.

(A)

B

C

→ laser

1. The project is still by the early stage, so many details have not

A

B

been finalized (hoàn thiện) yet.

C

→ _____

2. If I don't write it down, I'm like to forget.

A

B

C

→ _____

3. Afrikaans (tiếng Hà Lan Mũi Đất) did not gain recognition as an

A

officially language until 1925.

B

C

→ _____

4. Pidin languages often develop in places where speakers of

A

B

different languages need to communicate.

C

→ _____

5. According of the report, sales have increased by 20% this year.

A

B

C

→ _____

V. Look and write sentences, using PRESENT CONTINUOUS.



1 Eugenius / eat / popcorn (put / his tools in a box)

Eugenius isn't eating popcorn.

He's putting his tools in a box.

2 Eugenius' dad / dance (sing)

3 Ginny / stand / on a box (stand / on a chair)

4 Eugenius and Ginny / sing (listen / to music)

5 Dax / play / with Woof (clean / the shelves)

6 Ginny / carry / a box (paint / the wall)

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.



Con hãy làm bài nghe theo link sau (từ 13p17s – 21p):
<https://youtu.be/ILAEjAsUkZc?si=ONYWUp3gKAAmrkiJ&t=797>

Paper 4 LISTENING PART 2

You will hear part of a radio talk about an institution that helps addicts. For questions 9-18, complete the notes below which summarise what the speaker says.

- There is one centre in the UK situated outside **9** .
- The Thorndale method has had success with people addicted to **10** and **11** .
- Addicts take part in a **12** of treatment.
- In a one-hour treatment session, smokers cannot stop smoking even when they **13** .
- Smokers must keep smoking until they become **14** .
- Many patients find the course too difficult to finish and **15** .
- Those who manage to finish the course are **16** to want to smoke again.
- Alcoholics are allowed to become drunk under the watchful eyes of **17** .
- When they are later shown a video, most alcoholics feel **18** .